

| STT | Lớp 11 | MSHS<br>22-23 | Lớp 10<br>21-22 | Họ và tên HS            | NỮ | ĐIỂM<br>TBM | Danh<br>hiệu |
|-----|--------|---------------|-----------------|-------------------------|----|-------------|--------------|
| 01  | B08    | B08-01        | C09-01          | Phạm Đăng Quốc An       |    | 8.30        | HSTT         |
| 02  | B08    | B08-02        | CT6             | Trần Thiên Bảo          |    |             |              |
| 03  | B08    | B08-03        | C13-05          | Bùi Bảo Bình            | x  | 8.10        | HSTT         |
| 04  | B08    | B08-04        | C13-06          | Vũ Khánh Chi            | x  | 8.10        | HSTT         |
| 05  | B08    | B08-05        | C09-06          | Đặng Phan Mỹ Duyên      | x  | 9.10        | HSG          |
| 06  | B08    | B08-06        | C13-08          | Vương Hoàng Gia         |    | 8.40        | HSTT         |
| 07  | B08    | B08-07        | C13-11          | Nguyễn Thanh Hải        |    | 8.00        | HSTT         |
| 08  | B08    | B08-08        | C13-12          | Lê Hoài Hân             |    | 8.00        | HSTT         |
| 09  | B08    | B08-09        | C13-16          | Hạp Thị Ngọc Huyền      | x  | 8.60        | HSG          |
| 10  | B08    | B08-10        | C09-11          | Ấu Bảo Hưng             |    | 8.40        | HSTT         |
| 11  | B08    | B08-11        | C09-10          | Lê Minh Hưng            |    | 8.50        | HSTT         |
| 12  | B08    | B08-12        | C13-15          | Phạm Đỗ Gia Hưng        |    | 8.50        | HSTT         |
| 13  | B08    | B08-13        | C09-13          | Hoàng Phước Tất Khang   |    | 7.60        | HSTT         |
| 14  | B08    | B08-14        | C09-16          | Nguyễn Hoàng Lan        | x  | 8.50        | HSTT         |
| 15  | B08    | B08-15        | C09-17          | Huỳnh Bảo Long          |    | 7.70        | HSTT         |
| 16  | B08    | B08-16        | C13-21          | Trần Hoàng Long         |    | 7.30        | HSTT         |
| 17  | B08    | B08-17        | C09-21          | Đỗ Thị Nga              | x  | 8.40        | HSTT         |
| 18  | B08    | B08-18        | C13-23          | Phạm Thị Thanh Ngân     | x  | 7.70        | HSTT         |
| 19  | B08    | B08-19        | C09-23          | Trần Bảo Ngọc           | x  | 7.60        | HSTT         |
| 20  | B08    | B08-20        | C09-24          | Trương Thị Bảo Ngọc     | x  | 8.10        | HSTT         |
| 21  | B08    | B08-21        | C13-28          | Phan Minh Nhựt          |    | 7.60        | HSTT         |
| 22  | B08    | B08-22        | C13-31          | Nguyễn Tấn Phát         |    | 8.40        | HSTT         |
| 23  | B08    | B08-23        | C09-27          | Phạm Hoàng Phúc         |    | 8.50        | HSTT         |
| 24  | B08    | B08-24        | C13-47          | Phạm Minh Hồng Phúc     | x  | 8.70        | HSG          |
| 25  | B08    | B08-25        | C13-33          | Lê Kim Phụng            | x  | 8.60        | HSTT         |
| 26  | B08    | B08-26        | C09-28          | Nguyễn Vinh Quang       |    | 7.60        | HSTT         |
| 27  | B08    | B08-27        | C09-29          | Đoàn Công Quý           |    | 7.70        | HSTT         |
| 28  | B08    | B08-28        | C09-30          | Lê Thanh Quý            |    | 8.00        | HSTT         |
| 29  | B08    | B08-29        | C09-31          | Nguyễn Thùy Như Quỳnh   | x  | 8.00        | HSTT         |
| 30  | B08    | B08-30        | C09-32          | Đỗ Võ Minh Tài          |    | 8.00        | HSG          |
| 31  | B08    | B08-31        | C13-36          | Nguyễn Thị Phương Thanh | x  | 8.00        | HSTT         |
| 32  | B08    | B08-32        | C13-35          | Đặng Nguyễn Đình Thái   |    | 7.60        | HSTT         |
| 33  | B08    | B08-33        | C09-34          | Nguyễn Minh Thông       |    | 8.20        | HSTT         |
| 34  | B08    | B08-34        | C13-38          | Nguyễn Ngọc Minh Thư    | x  | 8.20        | HSTT         |
| 35  | B08    | B08-35        | C13-39          | Phạm Kim Thư            | x  | 8.00        | HSTT         |
| 36  | B08    | B08-36        | BL1             | Tăng Hoài Thương        |    |             |              |
| 37  | B08    | B08-37        | C09-38          | Ngô Thị Thuỳ Trang      | x  | 8.00        | HSTT         |
| 38  | B08    | B08-38        | C09-37          | Đỗ Quỳnh Trâm           | x  | 8.20        | HSG          |
| 39  | B08    | B08-39        | C09-40          | Trần Thị Tuyết Trinh    | x  | 8.40        | HSTT         |
| 40  | B08    | B08-40        | C13-40          | Mai Minh Trung          |    | 8.00        | HSTT         |
| 41  | B08    | B08-41        | C09-41          | Nguyễn Đức Anh Tuấn     |    | 7.70        | HSTT         |
| 42  | B08    | B08-42        | C13-41          | Nguyễn Ngọc Phương Uyên | x  | 9.00        | HSG          |
| 43  | B08    | B08-43        | C09-44          | Nguyễn Trần Hoàng Việt  |    | 8.20        | HSTT         |
| 44  | B08    | B08-44        | C13-43          | Nguyễn Tường Vy         | x  | 8.50        | HSTT         |
| 45  | B08    | B08-45        | C09-45          | Trần Thanh Vy           | x  | 8.90        | HSG          |
| 46  | B08    | B08-46        | C13-45          | Dương Như Ý             | x  | 8.50        | HSTT         |